PROJECT CHARTER

Project name: Hệ thống website đặt vé xem phim.

Sponser: CGV

Project manager: Mai Văn Long **Last revision date:** 01/10/2022

Vision and Scope Summary

Business Need and Background: Tập đoàn CGV có nhu cầu tạo ra một nền tảng bán vé xem phim online hỗ trợ việc bán vé truyền thống nhằm tăng doanh thu.

Project Description and Project Goals: Dự án cung cấp một trang web để mua vé xem phim trực tuyến và hiệu quả. Mục tiêu chính của hệ thống là phát triển ứng dụng web được cải tiến, tự động, chính xác, thân thiện với người dùng và ít bảo trì.

Scope (Solution): Hệ thống sẽ có thể chuẩn bị những movie trailer, suất chiếu và thông tin tương ứng cũng như xem thống kê doanh. Người dùng có thể tìm kiếm thông tin phim, đặt mua vé xem phim và thanh toán trực tuyến.

Project Deliverables: Danh sách những phần sẽ bàn giao cho khách hàng.

- Business case
- Scope statement
- Project budget
- Prototype
- Website product (long term)

Constraints:

- Dự án phải bàn giao sau 12 tuần.
- Hệ thống cần hoạt động chính xác, ổn định và ít bảo trì.

Project Management and Governance

| Role | Name | Responsibilities |
|------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| PM | Mai Văn Long | Lên kế hoạch và quản lý dự án |
| UX and UI Designers | Nguyễn An Khương | Thiết kế giao diện phần mềm dự án |
| Developer | Đinh Vũ Phương Thanh | Phát triển phần mềm |
| Developer | Lê Đức Thành | Phát triển phần mềm |
| Tech lead | Nguyễn Hoài Kha | Quyết định kiến trúc phần mềm |
| BA | Đặng Hồ Hoàng Duy | Lập danh sách yêu cầu, tính năng |
| Tester | Trần Ngọc Như | Kiểm thử phần mềm |
| Developer | Nguyễn Minh Văn | Phát triển phần mềm |
| Developer | Phạm Phú Tuấn Kiệt | Phát triển phần mềm |

Project Facilities and Resources

| Documents | Tools and Techniques |
|-----------|----------------------|
|-----------|----------------------|

| - Requirements | - Kiến trúc database (postgresql), công |
|-----------------|---|
| - Project plan | nghệ Nodejs. |
| - Cost estimate | |

Project Schedule and Cost

| Task name | Description | Duration (day) |
|---|---|----------------|
| Requirements | Lập danh sách yêu cầu, tính năng | 7 |
| Design | Thiết kế giao diện phân mềm | 7 |
| Programming | Phát triển các chức năng | 20 |
| + Phát triển các chức năng phân hệ admin | Phát triển các chức năng phân hệ admin | |
| Unit test cho chức năng phân hệ admin | Viết unit test cho các chức năng đăng nhập quản trị, thêm, xóa,cập nhật thông tin các bộ phim, rạp, vé bán, thống kê. | 2 |
| Phát triển chức năng đăng nhập. | Đăng nhập trang quản trị. | 3 |
| Phát triển chức năng thống kê (doanh thu chi tiết) | Chức năng thống kê (doanh thu chi tiết). | 3 |
| Phát triển chức năng quản lý thông tin phim. | Quản lý thêm, xóa, cập nhật thông tin phim. | 4 |
| Phát triển chức năng quản lý rạp, cụm rạp. | Quản lý thêm, xóa, cập nhật thông tin rạp, cụm rạp. | 4 |
| Phát triển chức năng quản lý thông tin xuất chiếu. | Quản lý thêm, xóa, cập nhật thông tin xuất chiếu (gồm phim, rạp, giờ, số lượng vé, giá vé). | 4 |
| Test Execution | Kiểm thử. | 8 |
| Build test plan | Xây dựng kế hoạch triển khai test. | 2 |
| Review, | Xem lại kế hoạch. | 2 |
| Test execute | Thực hiện test và đối ứng. | 4 |
| Deploy product | Thực hiện triển khai sản phẩm. | 1 |
| Programming | Phát triển các chức năng. | 24 |
| + Phát triển các chức năng phân hệ user | Phát triển các chức năng phân hệ user. | |
| Unit test cho phân hệ user | Viết unit test cho các chức năng đăng nhập quản trị, chức năng phân hệ user. | 3 |
| Phát triển chức năng quản lý người dùng | Phát triển chức năng đăng nhập, đăng ký. | 3 |
| Phát triển màn hình trang chủ | Thông tin trang chủ hiển thị gồm danh sách phim mới và phim được yêu thích. | 3 |
| Phát triển chức năng tìm kiếm phim | Tìm kiếm thông tin phim dựa trên từ khóa. | 3 |
| Phát triển chức năng cập nhật thông tin cá nhân | Cập nhật thông tin tên, số điện thoại, email. | 3 |
| Phát triển chức năng xem lịch sử mua vé | Chức năng xem lịch sử mua vé. | 3 |

| Phát triển chức năng đặt vé xem | Chức năng đặt vé xem phim với các thông | 6 |
|---------------------------------|--|---|
| phim | tin: phim, rạp chiếu, vé (ngày, giờ, ghế). | |
| | | |
| Test Execution | Kiểm thử | 8 |
| Build test plan | Xây dựng kế hoạch triển khai test. | 2 |
| Review, | Xem lại kế hoạch. | 2 |
| Test execute | Thực hiện test và đối ứng. | 4 |
| Deploy product | Hoàn tất và thực hiện build toàn bộ hệ | 1 |
| | thống. Thực hiện triển khai | |

Budget: Không vượt quá 33000000 VND.

Project risks:

- Khó khăn về mặt công nghệ sử dụng.
- Khó khăn về kỹ năng lập trình viên.
- Khó khăn về việc giao tiếp làm việc nhóm.
 Khó khăn về việc thay đổi yêu cầu.

Impact Analysis

| Who | Impact |
|--------------------|---|
| Sponsors, Customer | Tập đoàn CGV tài trợ chính thức cho dự án, quyết |
| | định sự hoạt động của dự án. |
| Project team | Phát triển dự án hoàn thiện và bàn giao tới khách |
| | hàng. |
| Seller | Sẽ cung cấp các thành phần, sản phẩm hoặc dịch vụ |
| | cho dự án theo hợp đồng. |
| Other stakeholders | Đóng góp hoặc quan tâm đến các giao phẩm dự án |
| | như các tập đoàn hệ thống chuỗi rạp chiếu phim |
| | khác, nhà tư vấn và các tổ chức tài chính. |